CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN, ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 01 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2011.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/3/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ[1];

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này "Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp".

---

[1] Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có các căn cứ ban hành sau:

"Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3, Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010".

Điều 2.[2] Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số: 22/VBHN-BNNPTNT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2014

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

---

[2] Điều 10 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2011 quy định như sau:

"Điều 10. *Điều khoản thi hành*

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Tổng Cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này."

QUY CHẾ
QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. ***Phạm vi điều chỉnh***

Quy chế này quy định việc khai thác, sử dụng nguồn gen; khảo nghiệm; đánh giá, công nhận; sản xuất, kinh doanh; quản lý chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp và giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính.

Điều 2. ***Đối tượng áp dụng***

Tổ chức, cá nhân người Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. ***Giải thích từ ngữ***

1. *Giống cây trồng lâm nghiệp chính* là một số giống có trong danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, nhưng do được trồng phổ biến, có số lượng lớn, giá trị kinh tế cao nên cần được quản lý chặt chẽ theo thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống. Do vậy những giống này được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố riêng trong danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp chính.

2. *Giống tiến bộ kỹ thuật* là các loại giống đã qua khảo nghiệm cơ bản ít nhất tại một điều kiện lập địa, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận.

3. *Giống quốc gia* là giống tiến bộ kỹ thuật đã qua khảo nghiệm mở rộng trên một số điều kiện lập địa và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận. Giống quốc gia được khảo nghiệm ở những vùng sinh thái nào thì sử dụng ở vùng sinh thái đó hoặc ở nơi có điều kiện sinh thái tương tự, khi trồng ở vùng khác phải qua khảo nghiệm.

4. *Nguồn giống* là tên gọi chung để chỉ nguồn gốc của bất cứ loại giống và vật liệu giống nào được dùng trong nghiên cứu và sản xuất, kinh doanh.

5. *Cây mẹ* (cây trội) là cây tốt nhất được tuyển chọn từ rừng tự nhiên, rừng trồng, cây trồng phân tán, rừng giống hoặc vườn giống để nhân giống.

6. *Vườn cây đầu dòng* (hay Vườn cung cấp hom) là vườn tập hợp cây được nhân bằng phương pháp vô tính lấy từ các cây đầu dòng để chuyên cung cấp vật liệu giống vô tính.

7. *Vườn giống* là vườn được trồng theo sơ đồ nhất định từ các dòng vô tính (*vườn giống vô tính*) hoặc từ hạt của cây mẹ (*vườn giống hữu tính*) đã được tuyển chọn và công nhận.

8. *Rừng giống* là rừng gồm các cây giống được nhân từ cây mẹ và trồng không theo sơ đồ, hoặc được chuyển hóa từ rừng tự nhiên, rừng trồng đã qua bình tuyển và được công nhận, gồm có:

a) *Rừng giống trồng* là rừng giống được trồng không theo sơ đồ bằng cây hạt thu từ các cây mẹ (cây trội);

b) *Rừng giống chuyển hóa từ rừng tự nhiên* là những lâm phần tốt nhất được chọn từ rừng tự nhiên, có diện tích ít nhất 3 ha, loài được chọn phải có ít nhất 50 cây đủ tiêu chuẩn lấy giống và đã được tác động các biện pháp kỹ thuật theo quy định;

c) *Rừng giống chuyển hóa từ rừng trồng* là khu rừng trồng (từ 5 - 7 tuổi cho cây mọc nhanh, 10 - 15 tuổi cho cây mọc chậm) có sinh trưởng tốt và đồng đều, có diện tích ít nhất 3 ha đạt tiêu chuẩn cây giống, trong đó ít nhất có 20% số cây đã có hạt hữu thụ.

9. *Lâm phần tuyển chọn* là khu rừng tự nhiên hoặc rừng trồng có chất lượng trên mức trung bình, được chọn để cung cấp giống tạm thời cho sản xuất, nhưng chưa được tác động bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, hoặc chưa đủ diện tích, hay chưa qua đánh giá để công nhận là rừng giống chuyển hóa.

10. *Nguồn gen cây rừng* (gọi tắt là nguồn gen) là những thực vật rừng hoàn chỉnh hay bộ phận của chúng mang thông tin di truyền, có khả năng tạo ra hay tham gia tạo ra giống cây trồng mới.

11. *Chuỗi hành trình giống* là quá trình liên hoàn các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp từ khâu xây dựng nguồn giống, sản xuất vật liệu giống đến sản xuất cây con ở vườn ươm và sử dụng cho trồng rừng.

12. *Giám sát chất lượng giống theo chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính* là các thủ tục nhằm kiểm soát nguồn gốc của vật liệu giống trong từng bước của quá trình sản xuất, kinh doanh và sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp chính.

13. *Chứng chỉ nguồn giống* là việc đánh giá một nguồn giống cụ thể (lâm phần tuyển chọn, rừng giống, vườn giống, cây mẹ, cây đầu dòng...) đạt tiêu chuẩn chất lượng được cấp giấy chứng chỉ công nhận nguồn giống để quản lý khai thác, sử dụng.

14. *Chứng nhận nguồn gốc lô giống* là việc cấp giấy chứng nhận cho số vật liệu giống cụ thể (gọi chung là lô giống) thu hoạch hàng năm ở một nguồn giống đã được công nhận để đưa vào sản xuất, lưu thông.

Chương II
QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Mục 1
QUẢN LÝ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG NGUỒN GEN CÂY RỪNG

Điều 4. ***Quản lý, khai thác và sử dụng nguồn gen cây rừng***

1. Nguồn gen cây rừng được lưu giữ ở các Khu bảo tồn thiên nhiên, các Vườn quốc gia, các cơ quan nghiên cứu hoặc sản xuất, hoặc ở các hộ gia đình.

2. Tổ chức, cá nhân lưu giữ nguồn gen cây rừng được điều tra khảo sát và thu thập mẫu vật phục vụ cho nghiên cứu chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp trong nước.

3. Tổ chức, cá nhân muốn khai thác, sử dụng nguồn gen cây rừng ở Khu bảo tồn thiên nhiên, Vườn quốc gia phải được sự đồng ý của đơn vị có nguồn gen và được phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Tổ chức, cá nhân muốn khai thác và sử dụng nguồn gen cây rừng quý hiếm để sản xuất, kinh doanh hoặc trao đổi với nước ngoài phải được sự đồng ý của đơn vị có nguồn gen và được phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 5. ***Thủ tục và thời hạn cấp phép***

1. Tổ chức, cá nhân muốn khai thác và sử dụng nguồn gen cây rừng nêu ở Khoản 3 và Khoản 4 của Điều 4 phải gửi đơn (theo mẫu biểu số 01 - Phụ lục 1) cùng văn bản đồng ý của đơn vị đang lưu giữ nguồn gen tới Vụ Khoa học công nghệ - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét giải quyết.

2. Trong thời hạn 30 ngày sau khi nhận đơn, Vụ Khoa học công nghệ căn cứ mức độ quý hiếm và khả năng lưu giữ nguồn gen để trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân đứng đơn.

3. Thời hạn cấp phép trao đổi nguồn gen với nước ngoài có giá trị trong 60 ngày, thời hạn cấp phép khai thác và sử dụng nguồn gen trong nước có giá trị 5 năm. Hết thời hạn trên, người được cấp phép phải có đơn xin gia hạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép mới nếu đủ điều kiện.

Mục 2
KHẢO NGHIỆM VÀ CÔNG NHẬN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP MỚI

Điều 6. Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp mới[3]

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp mới nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký khảo nghiệm đến cơ sở khảo nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận. Hồ sơ đăng ký khảo nghiệm bao gồm: đơn đăng ký khảo nghiệm (Mẫu biểu số 19); hồ sơ giống cây trồng trong đó ghi rõ tên giống, xuất xứ, số lượng, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và quy trình kỹ thuật canh tác.

---

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ sở khảo nghiệm thông báo cho tổ chức hoặc cá nhân đề nghị khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp tiến hành bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ tổ chức, cá nhân có nhu cầu khảo nghiệm nhận kết quả tại cơ sở khảo nghiệm.

3. Việc khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp mới được thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Tiêu chuẩn công nhận giống cây trồng lâm nghiệp do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Điều 7. Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới

Việc công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới được thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Tiêu chuẩn ngành 04TCN-64-2003 ban hành kèm theo Quyết định số 188/2003/QĐ-BNN ngày 23/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tiêu chuẩn công nhận giống cây lâm nghiệp.

Điều 8. Thủ tục công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới[4]

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới cho Tổng cục Lâm nghiệp. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới;

b) Báo cáo kết quả khảo nghiệm và sản xuất thử giống cây trồng mới;

c) Ý kiến nhận xét của đơn vị tham gia khảo nghiệm;

d) Biên bản Hội đồng cấp cơ sở.

2. Sau khi nhận hồ sơ yêu cầu công nhận giống mới, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Tổng cục Lâm nghiệp xác định tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho người nộp hồ sơ biết. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, người nộp hồ sơ phải hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3. Tổng cục Lâm nghiệp thành lập Hội đồng khoa học chuyên ngành. Hội đồng tiến hành đánh giá kết quả khảo nghiệm hoặc sản xuất thử và lập biên bản đề nghị công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, Tổng cục Lâm nghiệp căn cứ biên bản thẩm định của Hội đồng lập báo cáo trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới. Căn cứ quyết định công nhận này, Tổng cục Lâm nghiệp cấp chứng chỉ công nhận giống mới cho chủ sở hữu giống.

---

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/05/2011.

5. Mã số công nhận giống mới được lập theo quy định tại phần B - Phụ lục 3 của Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN.

Điều 9. Hủy bỏ chứng chỉ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới[5]

1. Chứng chỉ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới bị hủy bỏ khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Chủ sở hữu giống tự nguyện đề nghị hủy bỏ chứng chỉ công nhận giống;

b) Giống đã công nhận bị thoái hóa, suy giảm năng suất so với khi được công nhận đến mức phải thay thế;

c) Giống đã công nhận không còn hiệu quả trong sản xuất.

2. Trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này, chủ sở hữu giống phải có trách nhiệm thông báo cho Tổng cục Lâm nghiệp.

3. Tổng cục Lâm nghiệp ban hành quyết định đình chỉ hiệu lực và hủy bỏ chứng chỉ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới và thông báo cho chủ sở hữu giống và các cơ quan liên quan về quyết định hủy bỏ chứng chỉ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới.

Mục 3
CÔNG BỐ DANH MỤC VÀ CÔNG NHẬN NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Điều 10. ***Công bố danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp chính và danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh***

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp chính và danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh để áp dụng thống nhất trong cả nước.

2. Các Danh Mục này và các thay đổi, bổ sung (nếu có) được công bố trên trang web của Cục Lâm nghiệp.

Điều 11. ***Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp***

Các loại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp sau đây phải đăng ký và được cấp chứng chỉ công nhận mới được phép đưa vào sản xuất, kinh doanh:

1. Lâm phần tuyển chọn

2. Rừng giống chuyển hóa;

1. Rừng giống trồng;

---

[5] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

2. Vườn giống (Vườn giống hữu tính và vườn giống vô tính).

3. Cây mẹ (cây trội).

4. Cây đầu dòng (hoặc Vườn cung cấp hom).

Điều 12. ***Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nguồn giống***

1. Cục Lâm nghiệp có trách nhiệm:

a) Tổ chức bình tuyển và công nhận vườn giống hữu tính, vườn giống vô tính trong cả nước;

b) Công bố quyết định, cấp và hủy bỏ chứng chỉ công nhận vườn giống hữu tính, vườn giống vô tính;

c) Tổ chức Hội đồng thẩm định vườn giống hữu tính, vườn giống vô tính khi có yêu cầu;

d) Kiểm tra, giám sát hệ thống nguồn giống trong cả nước.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Tổ chức bình tuyển lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, cây mẹ, cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom) trên địa bàn tỉnh;

b) Công bố quyết định, cấp và hủy bỏ chứng chỉ công nhận nguồn giống của tỉnh cho các lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, cây mẹ, cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom) trên địa bàn tỉnh;

c) Theo dõi, đánh giá, hướng dẫn sử dụng, khai thác hợp lý các loại vườn giống đã được Cục Lâm nghiệp công nhận trên địa bàn tỉnh;

d) Quản lý việc sử dụng giống quốc gia và giống tiến bộ kỹ thuật cây trồng lâm nghiệp được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận trên địa bàn tỉnh;

e) Tổ chức Hội đồng thẩm định nguồn giống cây trồng lâm nghiệp cấp tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 13. ***Thủ tục công nhận nguồn giống***[6]

1. Đăng ký nguồn giống

Chủ nguồn giống làm đơn đăng ký theo mẫu biểu số 04 (Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN) kèm theo báo cáo kỹ thuật về nguồn giống (Mẫu biểu số 20) gửi tới Tổng cục Lâm nghiệp để đề nghị cấp chứng chỉ công nhận cho vườn giống hữu tính, vườn giống vô tính.

Chủ nguồn giống làm đơn đăng ký theo mẫu biểu số 05 (Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN)

---

[6] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4, Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

kèm theo báo cáo kỹ thuật về nguồn giống (Mẫu biểu số 20) gửi tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại để đề nghị cấp chứng chỉ công nhận cho lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, cây mẹ, cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom).

2. Thẩm định nguồn giống

a) Nội dung thẩm định:

Sự phù hợp của nguồn giống đề nghị công nhận với quy hoạch phát triển nguồn giống và nhu cầu giống cây trồng lâm nghiệp của quốc gia hoặc tỉnh;

Sự phù hợp của nguồn giống với các quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với từng loại nguồn giống đã ban hành.

b) Trình tự thẩm định:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ đăng ký công nhận nguồn giống theo các nội dung thẩm định nêu tại Điểm a, Khoản 2 của Điều này và phải thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định;

Tổng Cục Lâm nghiệp thành lập Hội đồng thẩm định nguồn giống để công nhận các loại vườn giống trên phạm vi cả nước;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định nguồn giống để công nhận cho các lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, cây mẹ, cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom) trên phạm vi tỉnh;

Thành phần Hội đồng gồm một số nhà quản lý và nhà khoa học chuyên ngành được mời theo yêu cầu. Hội đồng thẩm định nguồn giống có trách nhiệm tư vấn cho lãnh đạo Cục Lâm nghiệp hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc quyết định công nhận hoặc hủy bỏ công nhận các loại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;

Hội đồng thẩm định khảo sát hiện trường nguồn giống, kiểm tra chủ nguồn giống về các nội dung kỹ thuật liên quan và lập biên bản kết quả đánh giá, thẩm định;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Tổng Cục lâm nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải hoàn thành công tác thẩm định.

3. Cấp Chứng chỉ công nhận nguồn giống:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định nguồn giống, Tổng cục Lâm nghiệp cấp chứng chỉ công nhận nguồn giống theo mẫu biểu số 06 (Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN) và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp theo mẫu biểu số 07 (Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN). Trong chứng chỉ công nhận nguồn giống ghi rõ các tác nghiệp kỹ thuật cần thiết do Hội đồng thẩm định đề xuất mà chủ nguồn giống phải thực hiện".

Điều 14. ***Quản lý nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã được công nhận***

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã được công nhận trên địa bàn tỉnh (kể cả những nguồn giống đã được Cục Lâm nghiệp công nhận nằm trên địa bàn tỉnh). Sau khi công nhận nguồn giống cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm báo cáo về Cục Lâm nghiệp để tổng hợp, theo dõi.

2. Cục lâm nghiệp thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã được công nhận trên phạm vi cả nước. Cục Lâm nghiệp có trách nhiệm tổng hợp tất cả các nguồn giống đã được công nhận theo địa điểm, theo loại hình và thông báo trên trang web của Cục lâm nghiệp theo mẫu biểu số 08.

3. Sau khi nguồn giống đã được cấp chứng chỉ công nhận, chủ nguồn giống phải có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và tác nghiệp kỹ thuật vào nguồn giống theo Quy phạm kỹ thuật xây dựng rừng giống và vườn giống QPN15-93 ban hành kèm theo Quyết định số 804/QĐ-KT ngày 02/11/1993 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp và Quy phạm kỹ thuật xây dựng rừng giống chuyển hóa QPN 46-93 ban hành kèm theo Quyết định số 805/QĐ-KT ngày 02/11/1993 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và các yêu cầu tác nghiệp kỹ thuật cụ thể được ghi trong chứng chỉ công nhận nguồn giống đó.

Điều 15. ***Thời hạn của chứng chỉ công nhận nguồn giống cây lâm nghiệp***

1. Thời hạn của giấy chứng chỉ công nhận các loại nguồn giống do cấp tỉnh công nhận là 5 năm đối với cây mọc nhanh (riêng đối với vườn cung cấp hom là 2- 3 năm) và 7 năm đối với cây mọc chậm, kể từ ngày có quyết định công nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thời hạn của chứng chỉ công nhận các loại vườn giống là 10 năm đối với cây mọc nhanh và 15 năm đối với cây mọc chậm, kể từ ngày có quyết định công nhận của Cục Lâm nghiệp.

3. Sau thời hạn nêu ở Khoản 1 và 2 của Điều này, các nguồn giống phải được đánh giá lại và cấp chứng chỉ mới nếu đạt yêu cầu để đảm bảo nguồn giống luôn đạt chất lượng di truyền sau quá trình sử dụng và tác động kỹ thuật.

Điều 16. ***Hủy bỏ chứng chỉ công nhận nguồn giống cây lâm nghiệp***[7]

1. Chứng chỉ công nhận nguồn giống cây lâm nghiệp bị hủy bỏ khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Chủ nguồn giống tự nguyện đề nghị hủy bỏ chứng chỉ công nhận nguồn giống;

---

[7] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 5, Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

b) Nguồn giống đã công nhận bị thoái hóa, suy giảm năng suất so với khi được công nhận đến mức phải thay thế;

c) Nguồn giống đã công nhận bị phá hại (bị cháy hơn 40% diện tích, bị sâu bệnh nặng hơn 30%) không đạt tiêu chuẩn sản xuất;

d) Nguồn giống đã công nhận không còn hiệu quả trong sản xuất.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp quyết định đình chỉ hiệu lực của chứng chỉ công nhận vườn giống hữu tính và vườn giống vô tính trên địa bàn cả nước.

3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đình chỉ hiệu lực của chứng chỉ công nhận lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, cây mẹ, cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom) trên địa bàn tỉnh.

4. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, chủ nguồn giống phải có trách nhiệm thông báo cho Tổng cục Lâm nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết để thông báo rộng rãi cho các đơn vị, cá nhân sử dụng giống.

5. Việc hủy bỏ chứng chỉ công nhận nguồn giống được cơ quan ra quyết định thông báo đến chủ nguồn giống và được cập nhật trên trang Web của Tổng Cục Lâm nghiệp.

Điều 17. ***Mã số nguồn giống cây trồng lâm nghiệp***

1. Các nguồn giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận phải có mã số. Mã số được ghi trong chứng chỉ công nhận nguồn giống.

2. Cách lập mã số nguồn giống cây trồng lâm nghiệp được thực hiện theo phần A - Phụ lục 3.

3. Mã số các loại giống cây trồng lâm nghiệp lưu thông trên thị trường hoặc dựng để trồng rừng phải ghi theo mã số nguồn giống.

Mục 4
SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Điều 18. ***Cơ quan quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp***

1. Cục Lâm nghiệp chịu trách nhiệm quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trong cả nước.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nơi có Chi cục Lâm nghiệp thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao cho Chi cục Lâm nghiệp thực hiện nhiệm vụ này.

3. Phòng chức năng cấp huyện chịu trách nhiệm kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

Điều 19. ***Điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính***[8]

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây có tên trong danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp chính (gọi chung là chủ cung ứng giống cây trồng lâm nghiệp) phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 36 Pháp lệnh số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 23/4/2004 về giống cây trồng".

Điều 20.[9] ***(được bãi bỏ)***

Điều 21.[10] ***(được bãi bỏ)***

Điều 22. ***Công bố danh sách các chủ cung ứng giống cây trồng lâm nghiệp chính***

1. Danh sách các chủ cung ứng giống cây trồng lâm nghiệp chính được phép hoạt động trên địa bàn tỉnh và các thay đổi (nếu có) được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố bằng văn bản hàng năm gửi các cơ quan có liên quan trong tỉnh và báo cáo về Cục Lâm nghiệp.

2. Cục Lâm nghiệp tổng hợp danh sách của các tỉnh để công bố trên trang web của Cục và được cập nhật thường xuyên.

Danh sách và các thông tin cơ bản về các chủ cung ứng giống cây trồng lâm nghiệp được ghi theo mẫu biểu số 11.

Điều 23. ***Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp***

1. Tổ chức, cá nhân chỉ được phép sản xuất, kinh doanh các loại giống có trong Danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trong danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh phải bảo đảm chất lượng giống theo đăng ký và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng giống do mình sản xuất, kinh doanh.

3. Chủ cung ứng giống cây trồng lâm nghiệp trong quá trình sản xuất giống phải có sổ nhật ký ghi chép các công đoạn sản xuất giống.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 19 còn phải thực hiện các quy định về vận chuyển,

---

[8] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 6, Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/05/2011.

[9] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 7, Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/05/2011.

[10] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 7, Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/05/2011.

bảo quản hàng hóa theo pháp lệnh chất lượng hàng hóa và thực hiện các quy định về cân, đong, đo, đếm theo Pháp lệnh đo lường.

Điều 24. ***Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính***

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất các giống cây trong *Danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp chính* bằng phương pháp nhân giống vô tính phải lấy vật liệu giống từ cây đầu dòng hoặc vườn cây đầu dòng đã được công nhận.

2. Tổ chức, cá nhân gieo ươm các giống cây trong *Danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp chính* phải lấy hạt giống từ cây mẹ, lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, hoặc vườn giống đã được công nhận.

3. Sản xuất, kinh doanh các giống cây trong *Danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp chính* trên địa bàn tỉnh phải có xác nhận và chịu sự giám sát theo thủ tục quản lý chuỗi hành trình giống của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 25. ***Nhãn mác giống cây trồng lâm nghiệp***

Hạt giống cây trồng lâm nghiệp để sản xuất, kinh doanh phải có nhãn trên bao bì. Cây con để sản xuất, kinh doanh phải có lý lịch giống. Nội dung ghi trên bao bì và lý lịch giống gồm:

- Tên và địa chỉ của chủ cung ứng giống.
- Tên khoa học, tên Việt Nam và tên địa phương (nếu có) của giống.
- Nguồn gốc của giống và chỉ tiêu chất lượng giống.
- Ngày, tháng, năm sản xuất và thời hạn sử dụng giống.
- Hướng dẫn bảo quản và sử dụng giống.

Mục 5
XUẤT, NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Điều 26. ***Xuất khẩu giống cây trồng lâm nghiệp***

1. Tổ chức, cá nhân được xuất khẩu giống cây trồng lâm nghiệp không có trong danh Mục giống cây trồng cấm xuất khẩu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2. Tổ chức, cá nhân muốn trao đổi với nước ngoài những giống cây lâm nghiệp có trong danh Mục giống cây trồng cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học hoặc các Mục đích đặc biệt khác phải được phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 27. ***Nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp***

1. Tổ chức, cá nhân được nhập khẩu các loại giống cây trồng lâm nghiệp có trong danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh.

2. Tổ chức, cá nhân muốn nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp chưa có trong danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh để

nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất thử hoặc trong các trường hợp đặc biệt khác phải được phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 28. ***Thủ tục cấp giấy phép***[11]

1. Tổ chức, cá nhân ở địa phương, các đơn vị trung ương muốn trao đổi giống với nước ngoài thuộc nhóm cấm xuất khẩu hoặc muốn nhập khẩu giống chưa có trong danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh phải có đơn (Mẫu biểu số 12) gửi Tổng Cục Lâm nghiệp, kèm theo là bản sao các tài liệu liên quan như hợp đồng mua bán giống hoặc giấy cho tặng giống của đối tác.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận đơn, Tổng Cục Lâm nghiệp thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét để cấp phép cho tổ chức hoặc cá nhân đứng đơn".

Mục 6
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Điều 29. ***Nguyên tắc quản lý chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp***

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chịu trách nhiệm về chất lượng giống do mình sản xuất, kinh doanh thông qua việc công bố tiêu chuẩn chất lượng di truyền của giống được phép sản xuất, kinh doanh và công bố chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp chính phù hợp với tiêu chuẩn ngành.

2. Chất lượng sinh lý của cây giống do các bên mua, bán tự thỏa thuận thông qua hợp đồng phù hợp với Mục đích sử dụng giống.

Điều 30. ***Tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp***

Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp gồm:

1. Tiêu chuẩn Việt Nam về chất lượng hàng hóa và về đo lường.

2. Tiêu chuẩn ngành về chất lượng di truyền được ghi trong các quyết định công nhận giống mới, trong tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn khu vực được áp dụng tại Việt Nam.

Điều 31. ***Công bố tiêu chuẩn giống cây trồng lâm nghiệp***

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp phải theo tiêu chuẩn có trong danh Mục tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phải công bố tiêu chuẩn chất lượng di truyền của giống do mình sản xuất, kinh doanh. Tiêu chuẩn công bố không được thấp hơn tiêu chuẩn ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

---

[11] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 8, Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/05/2011.

2. Đối với các giống cây trồng lâm nghiệp chưa có tiêu chuẩn ngành hoặc tiêu chuẩn Việt Nam thì tổ chức, cá nhân tự công bố tiêu chuẩn, đăng ký tiêu chuẩn đó với cơ quan quản lý lâm nghiệp cấp tỉnh và tự chịu trách nhiệm về giống do mình sản xuất.

Điều 32. ***Quản lý chất lượng giống theo chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính***

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trong *Danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp chính* phải tuân theo thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính được quy định tại chương III của quy chế này.

2. Cơ quan quản lý lâm nghiệp các cấp phải thực hiện hệ thống quản lý chuỗi hành trình giống đối với các giống cây có tên trong *Danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp chính* do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo từng thời kỳ.

3. Căn cứ yêu cầu thực tế của từng địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh có thể quy định một số giống cây lâm nghiệp nằm ngoài danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp chính phải thực hiện thủ tục giám sát chất lượng giống theo chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính.

4. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trong *Danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất kinh doanh* tự nguyện đăng ký thực hiện thủ tục giám sát chất lượng giống theo chuỗi hành trình giống cây lâm nghiệp chính.

5. Các chứng từ, tài liệu quy định trong quản lý chất lượng giống theo chuỗi hành trình giống cây lâm nghiệp chính do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp cho chủ cung ứng giống đều có giá trị trong lưu thông, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên phạm vi cả nước. Nghiêm cấm hành vi cục bộ địa phương ngăn cản lưu thông giống cây trồng lâm nghiệp giữa các tỉnh.

Chương III
KIỂM TRA, GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG GIỐNG THEO CHUỖI HÀNH TRÌNH GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CHÍNH

Mục 1
QUẢN LÝ VẬT LIỆU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CHÍNH

Điều 33. ***Quy tắc đối với sản xuất, kinh doanh vật liệu giống cây lâm nghiệp chính***

1. Mọi loại vật liệu giống (hạt giống, hom, chồi, cành, mắt ghép…) của giống cây trong *Danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp chính* do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, khi đưa vào sản xuất, kinh doanh phải được thu hoạch từ các nguồn giống được công nhận với mã số nguồn giống cụ thể.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổ chức theo dõi, giám sát các khâu sản xuất, kinh doanh của chủ nguồn giống cây trồng lâm nghiệp tuân thủ quy định ở Khoản 1, Điều này (kể cả đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh). Tại những địa phương có Chi cục Lâm nghiệp thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ này cho Chi cục Lâm nghiệp thực hiện.

3. Chủ nguồn giống cây trồng lâm nghiệp phải lưu giữ các văn bản, chứng từ liên quan, lập sổ theo dõi cập nhật để chứng minh được mọi loại vật liệu giống đưa vào sản xuất, kinh doanh và lưu thông đều có mã số nguồn giống rõ ràng, chính xác với số lượng và năm sản xuất cụ thể.

4. Mọi loại vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính lưu giữ trong kho hoặc trong quá trình lưu thông, vận chuyển phải được gắn nhãn với các thông tin sau đây:

- Tên và địa chỉ của chủ nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.
- Tên khoa học, tên Việt Nam và tên địa phương (nếu có) của vật liệu giống.
- Số lượng kèm mã số nguồn giống của từng lô hạt giống, từng dòng vô tính.
- Năm sản xuất.

Điều 34. ***Phương thức quản lý***

1. Trước khi thu hoạch vật liệu giống (hạt giống hoặc giống vô tính) chủ nguồn giống phải gửi giấy thông báo tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại theo mẫu biểu số 13 (điền đầy đủ các Mục của phần 1 và để trống phần 2).

2. Trong quá trình thu hái hạt giống hoặc giống vô tính, chủ nguồn giống phải lập sổ ghi chép cập nhật các số liệu sau đây:

a) Đối với hạt giống:

- Khối lượng hạt thu hoạch được theo từng đợt tại hiện trường nguồn giống;
- Khối lượng hạt nhập kho sau khi đã phơi sấy và tinh chế.

b) Đối với giống vô tính:

- Số hom hoặc số bình cấy (mô) của từng dòng đưa vào nhân giống;
- Số cây giống vô tính đã nhân thành công của từng dòng đang được nuôi dưỡng.

3. Sau vụ thu hoạch, khi toàn bộ lô hạt đã được tinh chế, bao gói và nhập kho (đối với hạt giống) hoặc đã kết thúc quá trình lấy hom, chồi, cành (đối với giống vô tính), chủ nguồn giống điền kết quả thu hoạch hạt giống hoặc giống vô tính vào Phần 2 của thông báo thu hoạch vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp (mẫu biểu số 13*)* gửi tiếp đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xin cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống.

4. Khi xuất bán các loại vật liệu giống, chủ nguồn giống có trách nhiệm:

- Lập phiếu xuất kho và hóa đơn bán hàng theo mẫu của Bộ Tài chính, ghi rõ khối lượng của từng nguồn giống (đối với hạt giống), số hom, số bình mô hoặc số cây con của từng dòng kèm mã số của nguồn giống/dòng để giao cho khách hàng và lưu tại đơn vị;

- Bản sao chứng nhận nguồn gốc của lô giống bán cho khách hàng.

- Ghi chép cập nhật vào sổ theo dõi.

Bản lưu phiếu xuất kho, hóa đơn tài chính và sổ theo dõi là chứng từ giải trình trong các kỳ thanh tra, kiểm tra.

Điều 35. ***Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống***

1. Thời hạn cấp: 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thu hoạch giống (mẫu biểu số 13) của chủ nguồn giống cây trồng lâm nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Chi cục Lâm nghiệp được giao nhiệm vụ) cấp hoặc thông báo không cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống và lý do không cấp.

2. Thủ tục cấp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Chi cục Lâm nghiệp được giao nhiệm vụ) thẩm định các số liệu ghi trong thông báo thu hoạch giống và năng lực thực tế của nguồn giống sản xuất ra lô giống xin chứng nhận; trong trường hợp cần thiết tổ chức thẩm định hiện trường sản xuất của chủ lô giống. Khi kết quả thẩm định xác nhận lô giống thật sự được sản xuất từ nguồn giống được công nhận có mã số chính xác và đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định, lô giống đã được cấp chứng nhận theo mẫu biểu số 14.

Mục 2
QUẢN LÝ SẢN XUẤT CÂY CON Ở VƯỜN ƯƠM

Điều 36. ***Quy tắc về quản lý sản xuất cây con ở vườn ươm***

1. Tất cả mọi loại cây con của giống cây trong *Danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp chính* do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, phải được gieo ươm từ các lô giống có giấy chứng nhận nguồn gốc.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổ chức theo dõi, giám sát các khâu sản xuất, kinh doanh cây con của chủ cung ứng giống cây trồng lâm nghiệp tuân thủ quy định ở Khoản 1, Điều này (kể cả đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh). Tại những địa phương có Chi cục Lâm nghiệp thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ này cho Chi cục Lâm nghiệp thực hiện.

3. Chủ cung ứng giống cây trồng lâm nghiệp phải lưu giữ các văn bản, chứng từ liên quan, lập sổ theo dõi cập nhật để chứng minh được cây con của đơn vị đưa vào sản xuất, kinh doanh và lưu thông đều có nguồn gốc rõ ràng, chính xác với số lượng và năm sản xuất cụ thể.

Điều 37. ***Phương thức quản lý***

1. Chủ vườn ươm phải lập sổ theo dõi tình hình gieo ươm, tạo cây con riêng cho từng lô giống và thông báo kết quả sản xuất cây con theo *mẫu biểu số 15* đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại để xin cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống cho lô cây con.

2. Trường hợp mua vật liệu giống của đơn vị khác để gieo ươm, tạo cây con, chủ vườn ươm phải lấy hóa đơn kiêm phiếu xuất kho của nơi bán, trong đó ghi rõ số lượng kèm mã số của từng lô giống và bản sao chứng nhận nguồn gốc lô giống.

3. Các ô, luống ươm cây trong vườn hoặc trong nhà giâm hom phải có biển cắm hoặc sơ đồ ghi rõ mã số từng nguồn giống.

4. Khi xuất bán các loại cây con, chủ cung ứng giống có trách nhiệm:

- Lập phiếu xuất kho và hóa đơn bán hàng theo mẫu của Bộ Tài chính, ghi rõ số lượng cây con của từng nguồn hạt giống/từng dòng kèm mã số của nguồn hạt giống/dòng đã để giao cho khách hàng và lưu tại đơn vị;

- Giao bản sao chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con bán cho khách hàng.

- Ghi chép cập nhật vào sổ theo dõi.

Bản lưu phiếu xuất kho, hóa đơn tài chính và sổ theo dõi là chứng từ giải trình trong các kỳ thanh tra, kiểm tra.

Điều 38. ***Cấp chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con***

1.[12] *Thời hạn cấp:* 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả sản xuất cây con ở vườn ươm cây lâm nghiệp (Mẫu biểu số 15) của chủ cung ứng giống cây trồng lâm nghiệp.

2. Thủ tục cấp: Giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con được cấp theo trình tự sau đây:

a) Thẩm định qua sổ sách: các số liệu ghi trong thông báo; sổ theo dõi vật liệu giống nhập, xuất kho và gieo ươm;

b) Thẩm định tại cơ sở sản xuất (khi cần thiết): nguồn gốc và mã số lô giống, phẩm chất kỹ thuật của lô cây con;

c) Giấy chứng nhận được cấp khi kết quả thẩm định xác nhận lô cây con có nguồn gốc, mã số lô giống chính xác, phẩm chất đạt các tiêu chuẩn quy định;

d) Giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Chi cục Lâm nghiệp được giao nhiệm vụ) cấp theo mẫu biểu số 16.

Mục 3
QUẢN LÝ SỬ DỤNG GIỐNG CÂY LÂM NGHIỆP CHÍNH TRỒNG RỪNG

Điều 39. ***Quy tắc trong quản lý sử dụng giống cây lâm nghiệp chính để trồng rừng***

---

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 9, Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/05/2011.

1. Các dự án, chương trình trồng rừng bằng các giống cây trong *Danh Mục giống cây trồng lâm nghiệp chính*, có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn do nước ngoài viện trợ hoặc vốn vay ưu đãi của nhà nước đều phải sử dụng cây con được sản xuất từ các nguồn giống đã được công nhận và trồng trong vùng quy định sử dụng nguồn giống đó.

2. Cục Lâm nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra các đơn vị trồng rừng do mình quản lý tuân thủ quy định ghi ở Khoản 1, Điều này.

3. Các đơn vị nêu tại Khoản 1, Điều này nếu tự sản xuất cây con hoặc mua cây giống của các đơn vị khác để trồng rừng phải có chứng từ, sổ sách chứng minh được nguồn giống để trồng rừng là đúng quy định và khi đó mới được thanh quyết toán kinh phí chi cho hạng Mục cây giống trồng rừng.

Điều 40. ***Phương thức quản lý***

1. Trường hợp tự sản xuất cây con để trồng rừng, đơn vị trồng rừng phải có giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống kèm theo các chứng từ khác để thanh quyết toán.

2. Trường hợp mua cây con của các đơn vị khác để trồng rừng, đơn vị trồng rừng phải có bản sao giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con kèm theo hóa đơn tài chính có ghi rõ số lượng cây con cùng mã số nguồn giống phù hợp với bản sao nêu trên và các chứng từ khác để thanh quyết toán.

3. Kết thúc thời vụ trồng rừng hàng năm, các đơn vị trung ương phải báo cáo Cục Lâm nghiệp về tình hình và kết quả sử dụng cây giống để trồng rừng của đơn vị theo mẫu biểu số 17. Các đơn vị thuộc tỉnh phải báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo mẫu biểu số 18.

Mục 4
THANH TRA, KIỂM TRA VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Điều 41. ***Thanh tra, kiểm tra, giám sát giống cây trồng lâm nghiệp***

1. Mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh chịu sự thanh tra, kiểm tra và giám sát của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại.

2. Cục Lâm nghiệp thực hiện kiểm tra các đơn vị trực thuộc và các tỉnh về việc thực hiện quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

Điều 42. ***Nội dung thanh tra, kiểm tra sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp***

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra sản xuất, kinh doanh giống là mức độ phù hợp giữa đăng ký sản xuất, kinh doanh được cấp phép của tổ chức, cá nhân với hoạt động thực tế mà tổ chức, cá nhân đó đang tiến hành được thể hiện trên các mặt sau đây:

a) Nguồn giống và loại vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp được dựng để sản xuất kinh doanh.

b) Số lượng và chất lượng giống được sản xuất.

c) Lịch trình và thời vụ sản xuất cây giống và hạt giống.

d) Phương pháp sản xuất giống (chế biến, bảo quản hạt, kiểm nghiệm hạt và phương pháp nhân giống).

e) Cơ sở vật chất và phương tiện để sản xuất giống.

g) Phương thức và thiết bị vận chuyển giống.

h) Nhãn giống cây trồng, mã số nguồn giống hoặc tài liệu giới thiệu giống cây trồng được công bố.

i) Việc chấp hành các quy định về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, và theo yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Ngoài các nội dung nêu trên, tổ chức, cá nhân còn chịu sự kiểm tra các nội dung khác có liên quan với sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp khi có khiếu kiện của khách hàng.

Điều 43. ***Thủ tục thanh tra, kiểm tra sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp***

1. Cục Lâm nghiệp hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết.

2. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện những vi phạm sẽ xử lý theo quy định của Nghị định số 57/2005/NĐ-CP ngày 27/4/2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng.

Điều 44. ***Giải quyết tranh chấp giống cây trồng lâm nghiệp***

Tranh chấp về giống cây trồng lâm nghiệp và quyền tác giả giống cây trồng lâm nghiệp mới do Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 1:

MẪU BIỂU SỐ 01

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ TRAO ĐỔI NGUỒN GEN CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC KHAI THÁC/SỬ DỤNG/TRAO ĐỔI NGUỒN GEN CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Kính gửi: **- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**
- Vụ Khoa học công nghệ

Để phục vụ mục đích nghiên cứu/sản xuất/trao đổi nguồn gen, chúng tôi làm đơn này đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét và cấp phép khai thác/sử dụng/trao đổi những nguồn gen sau đây:

1. Tên tổ chức hoặc cá nhân đứng đơn:
2. Địa chỉ: (kèm theo số Điện thoại, số Fax, E-mail nếu có)
3. Tên nguồn gen xin khai thác/sử dụng/trao đổi:
4. Số lượng xin khai thác/sử dụng/trao đổi:
5. Thời hạn xin khai thác/sử dụng/trao đổi:
6. Tên đơn vị lưu giữ nguồn gen:
7. Lý lịch nguồn gen:
   - Địa điểm:
   - Đặc điểm nguồn gen:
   - Mức độ quý hiếm theo quy định:

Ngày tháng năm
Người làm đơn ký tên (đóng dấu nếu có)

MẪU BIỂU SỐ 02

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP MỚI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP MỚI

Kính gửi: **Bộ Nông nghiệp và PTNT**
Vụ Khoa học công nghệ

Căn cứ vào kết quả lai tạo, tuyển chọn và khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp, chúng tôi làm đơn này đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định và công nhận giống cây lâm nghiệp mới dưới đây để đưa vào sản xuất giống phục vụ trồng rừng

A. Phần dành cho người làm đơn	
Tên chủ sở hữu giống mới: (đơn vị, cá nhân)	
Địa chỉ: (kèm số Điện thoại/Fax/ E-mail nếu có)	
Tên giống cây trồng lâm nghiệp mới	1. Tên khoa học: 4. Tổ hợp lai: 2. Tên Việt Nam: 5. Xuất xứ: 3. Mã số thí nghiệm: 6. Giống đột biến:
Lý lịch giống mới	❑ Giống mới nhập nội ❑ Giống mới tuyển chọn ❑ Giống mới lai tạo và công thức lai ❑ Cây đầu dòng chọn từ: - Rừng tự nhiên - Rừng trồng - Tổ hợp lai nhân tạo - Lai tự nhiên
Tóm tắt quá trình chọn, tạo; khảo nghiệm (trong phòng, ngoài thực địa):	- Địa điểm - Thời gian - Điều kiện lập địa - Quy mô diện tích - Số lần lặp

Những đặc điểm ưu việt của giống mới so với giống hiện hành ở thời điểm đề nghị công nhận	- Sinh trưởng - Năng suất - Chất lượng - Khả năng chống chịu
	Ngày… tháng… năm 200… **Chữ ký của người làm đơn** *(Dấu của đơn vị nếu có)*
B. Phần dành cho Vụ Khoa học công nghệ	
Đơn nhận ngày… tháng… năm 200…	
Ngày kiểm tra hiện trường:	
Ngày họp Hội đồng thẩm định:	
	Ngày… tháng… năm 200… **Đại diện Vụ KHCN** *Ký tên*

MẪU BIỂU SỐ 03

MẪU CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP MỚI

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------O0O----------

Hà Nội, ngày… tháng… năm 200…

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP MỚI

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới, Vụ Khoa học công nghệ, Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp chứng chỉ công nhận giống cây sau đây là giống cây trồng lâm nghiệp mới được phép sử dụng tại những vùng theo quy định trong giấy công nhận này.

Mã số công nhận giống mới	
Tên giống mới	1. Tên khoa học: 4. Tổ hợp lai: 2. Tên Việt Nam: 5. Xuất xứ: 3. Mã số thí nghiệm: 6. Giống đột biến:
Tên và địa chỉ chủ sở hữu giống mới (cá nhân, đơn vị)	
Loại hình giống mới:	❑ Giống mới nhập nội ❑ Giống mới chọn tuyển ❑ Giống lai mới ❑ Giống đột biến ❑ Cây đầu dòng: - Thuần loài - Lai tự nhiên - Lai nhân tạo
Đặc điểm cơ bản của giống mới	
Vùng và điều kiện được sử dụng để trồng rừng	
	Ngày… tháng… năm 200… **TL. Bộ trưởng** **Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ** *(Ký tên, đóng dấu)*

MẪU BIỂU SỐ 04

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Kính gửi: **Cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT**

Căn cứ vào Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu chuẩn về các loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Cục Lâm nghiệp thẩm định và cấp chứng chỉ công nhận các nguồn giống sau đây:

A. Phần dành cho người làm đơn	
Tên chủ nguồn giống (Đơn vị hoặc cá nhân)	
Địa chỉ (Kèm số điện thoại/Fax/E-mail nếu có)	
Loài cây	1. Tên khoa học 2. Tên Việt Nam
Vị trí hành chính và địa lý của nguồn giống	Tỉnh:… Huyện:… Xã:… Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường: Vĩ độ: Kinh độ: Độ cao trên mặt nước biển:
Các thông tin chi tiết về nguồn giống xin công nhận: 1. Năm trồng: 2. Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ươm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cấy mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính): 3. Sơ đồ bố trí cây trồng:	

4. Diện tích: 5. Chiều cao trung bình (m): 6. Đường kính trung bình ở 1.3m (m): 7. Đường kính tán cây trung bình (m): 8. Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện thời (số cây/ha): 9. Tình hình ra hoa, kết hạt: 10. Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):
Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):
Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận: ❑ Vườn giống hữu tính ❑ Vườn giống vô tính
Ngày… tháng… năm 200… **Chữ ký của người làm đơn** *(Con dấu của đơn vị nếu có)*
B. Phần dành cho Cục Lâm nghiệp
Nhận đơn ngày… tháng… năm 200…
Ngày kiểm tra hiện trường nguồn giống: Ngày họp hội đồng thẩm định:
Ngày… tháng… năm 200… **Cục Lâm nghiệp** *Ký tên*

MẪU BIỂU SỐ 05

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH

Kính gửi: **Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh…….**

Căn cứ vào Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu chuẩn về các loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh..... thẩm định và cấp chứng chỉ công nhận các nguồn giống sau đây:

A. Phần dành cho người làm đơn	
Tên chủ nguồn giống (Đơn vị hoặc cá nhân)	
Địa chỉ (Kèm số ĐT/Fax/E-mail nếu có)	
Loài cây	1. Tên khoa học 2. Tên Việt Nam
Vị trí hành chính và địa lý của nguồn giống xin công nhận	Tỉnh:… Huyện:… Xã:… Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường: Vĩ độ: Kinh độ: Độ cao trên mặt nước biển:
Các thông tin chi tiết về nguồn giống xin công nhận:	
1. Nguồn gốc (rừng tự nhiên/rừng trồng): 2. Tuổi trung bình hoặc năm trồng: 3. Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ươm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cấy mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính): 4. Sơ đồ bố trí cây trồng: 5. Diện tích:	

6. Chiều cao trung bình (m): 7. Đường kính trung bình ở 1.3m (m): 8. Đường kính tán cây trung bình (m): 9. Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện thời (số cây/ha): 10. Tình hình ra hoa, kết hạt: 11. Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):
Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):
Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận: ❑ Lâm phần tuyển chọn ❑ Rừng giống chuyển hóa ❑ Rừng giống trồng ❑ Cây mẹ (cây trội) ❑ Cây đầu dòng (hoặc Vườn cung cấp hom)
Ngày… tháng… năm 200… **Chữ ký của người làm đơn** *(Con dấu của đơn vị nếu có)*
B. Phần dành cho Sở Nông nghiệp và PTNT
Nhận đơn ngày … tháng … năm 200…
Ngày thẩm định tại hiện trường nguồn giống: Ngày họp Hội đồng thẩm định:
Ngày… tháng… năm 200… **Chi Cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp hoặc Trưởng phòng Lâm nghiệp Sở** *(Ký tên)*

MẪU BIỂU SỐ 06

MẪU CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP QUỐC GIA

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT **CỤC LÂM NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------O0O----------

Hà Nội, ngày… tháng… năm 200…

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định nguồn giống, Cục Lâm nghiệp công nhận diện tích rừng dưới đây đạt tiêu chuẩn chất lượng nguồn giống có thể đưa vào sản xuất vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp.

Mã số nguồn giống:	
Loài cây	1. Tên khoa học: 2. Tên Việt Nam: 3. Tên xuất xứ (nếu có):
Địa điểm	Lô: Khoảnh: Tiểu khu: Lâm trường: Xã: Huyện: Tỉnh:
Diện tích:	
Tên và địa chỉ của chủ nguồn giống kèm số ĐT/Fax/E-mail (nếu có)	
Loại hình nguồn giống được công nhận:	❑ Vườn giống hữu tính ❑ Vườn giống vô tính
Phạm vi sử dụng nguồn giống làm vật liệu trồng rừng (vùng sinh thái cho phép sử dụng và các điều kiện lập địa không được sử dụng nếu xét thấy cần thiết)	
Các tác nghiệp kỹ thuật cần thực hiện trong thời gian quản lý, khai thác nguồn giống	
Giấy công nhận này có giá trị đến ngày:	*Ngày… tháng… năm 200…* **Cục trưởng Cục Lâm nghiệp** *(Ký tên, đóng dấu)*

MẪU BIỂU SỐ 07

MẪU CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH

UBND TỈNH..... **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------O0O---------- *....., ngày… tháng… năm 200…*

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh..... công nhận diện tích rừng dưới đây đạt tiêu chuẩn chất lượng nguồn giống có thể đưa vào sản xuất, kinh doanh vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp.

Mã số nguồn giống:	
Loài cây (và xuất xứ nếu có)	1. Tên khoa học: 2. Tên Việt Nam: 3. Tên xuất xứ (nếu có):
Địa điểm	Lô: Khoảnh: Tiểu khu: Lâm trường: Xã: Huyện: Tỉnh:
Diện tích:	
Tên và địa chỉ của chủ nguồn giống kèm số ĐT/Fax/E-mail nếu có	
Loại hình nguồn giống được công nhận:	❑ Lâm phần tuyển chọn ❑ Rừng giống chuyển hóa từ rừng tự nhiên ❑ Rừng giống chuyển hóa từ rừng trồng ❑ Rừng giống trồng ❑ Cây mẹ (cây trội) ❑ Cây đầu dòng (hoặcVườn cung cấp hom)
Phạm vi sử dụng nguồn giống làm vật liệu trồng rừng (điều kiện sinh thái cho phép sử dụng; điều kiện lập địa hạn chế hoặc không được phép sử dụng nếu xét thấy cần thiết)	
Các tác nghiệp kỹ thuật cần thực hiện trong thời gian quản lý, khai thác nguồn giống	
Giấy công nhận này có giá trị đến ngày:	*Ngày… tháng… năm 200…* **GĐ Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh…** *(Ký tên, đóng dấu)*

MẪU BIỂU SỐ 08

MẪU GHI DANH SÁCH CÁC NGUỒN GIỐNG ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
CỤC LÂM NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 200...

DANH SÁCH CÁC NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP ĐƯỢC CÔNG NHẬN
(Thông báo năm 200...)

TT	*Mã số công nhận*	*Tên loài (Tên khoa học, tên Việt Nam)*	*Loại hình nguồn giống*	*Địa điểm hành chính (lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường, xã, huyện, tỉnh)*	*Tọa độ địa lý - Vĩ độ - Kinh độ - Độ cao trên mặt biển*	*Đặc điểm khí hậu: - T^0 bq năm - T^0 bq tháng nóng nhất - T^0 bq tháng lạnh nhất - Tổng lượng mưa bq năm - Thời kỳ mưa*	*Đặc điểm đất đai*	*Diện tích (ha)*	*Vùng và điều kiện trồng thích hợp*	*Tên, địa chỉ kèm Tel/Fax và Email của chủ nguồn giống*
A. Nguồn giống do Cục Lâm nghiệp công nhận										
B. Nguồn giống do các tỉnh công nhận (thứ tự tỉnh ghi theo trật tự vần A,B,C)										
Tỉnh An Giang										
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu										

GHI CHÚ: Danh sách các nguồn giống do Cục Lâm nghiệp và các tỉnh công nhận được thông báo trên trang web của Cục Lâm nghiệp.

MẪU BIỂU SỐ 09

MẪU ĐƠN XIN CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT/KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CHÍNH

Kính gửi: **Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.....**

Căn cứ vào quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; căn cứ năng lực hoạt động và cơ sở vật chất, kỹ thuật của đơn vị, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định và chứng nhận cho đơn vị chúng tôi có đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính hoạt động tại tỉnh.....

1. Phần kê khai của người làm đơn:

Tên đơn vị:

Địa chỉ:
Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị được chứng nhận đủ điều kiện là (sử dụng loại hình đơn vị thích hợp sau đây):

- ❑ Đơn vị sản xuất và kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính
- ❑ Đơn vị kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính
- ❑ Đơn vị sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp chính.

Với tư cách pháp nhân là người trưởng đơn vị, tôi xin cam đoan:

1. Chấp hành đầy đủ Pháp lệnh về Giống cây trồng, Quy chế Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.
2. Chỉ sản xuất/kinh doanh giống cây trong Danh Mục Giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh do Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành.

Chúng tôi xin đính kèm theo đây các văn bản liên quan:

- Bản mô tả doanh nghiệp (bao gồm cả thành phần nhân sự).
- Danh Mục các trang, thiết bị kỹ thuật để sản xuất/kinh doanh giống cây trồng của đơn vị.
- Danh Mục các giống cây trồng lâm nghiệp chính đăng ký sản xuất/kinh doanh.

Năng lực sản xuất dự kiến của đơn vị: - Khối lượng hạt giống từng loại:..... kg/năm - Số lượng cây con từng loại:..... cây/năm
Ngày... tháng... năm 200... **Trưởng đơn vị** *(Chữ ký và con dấu nếu có)*
2. Phần dành cho Sở Nông nghiệp và PTNT:
Ngày nhận đơn:
Ngày họp tổ thẩm định:
Ngày kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất, kinh doanh:
Ngày... tháng... năm 200... **Đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh...** *(Ký tên)*

MẪU BIỂU SỐ 10

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐƠN VỊ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

UBND TỈNH ..... **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------O0O----------
Số:...../200.../SNN	*....., ngày... tháng... năm 200...*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG CÂY LÂM NGHIỆP CHÍNH

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh..... chứng nhận đơn vị có tên dưới đây đủ điều kiện tham gia sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính tại tỉnh.....

1	Tên đơn vị	
2	Họ, tên trưởng đơn vị	
3	Địa chỉ: Số ĐT/Fax/E-mail:	
4	Lĩnh vực hoạt động được công nhận:	❑ Sản xuất, kinh doanh giống LN chính ❑ Kinh doanh giống LN chính ❑ Sản xuất giống LN chính
5	Giấy chứng nhận có giá trị đến:	*Ngày... tháng... năm 200...* **GĐ Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh...** *(Ký tên, đóng dấu)*

MẪU BIỂU SỐ 11

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG CÂY LÂM NGHIỆP CHÍNH ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG

(Thời điểm thông báo: Ngày... tháng... năm...)

Cấp	Giấy chứng nhận số	Tên đơn vị	Địa chỉ kèm số ĐT/Fax/E-mail	Lĩnh vực đăng ký hoạt động	Giống các loài cây trồng lâm nghiệp chính được sản xuất, kinh doanh
A. Các đơn vị đang hoạt động					
(Trung ương)					
(Tỉnh)					
B. Các đơn vị đình chỉ hoạt động					
(Trung ương)					
(Tỉnh)					

Ghi chú: Bản danh sách này được công bố hàng năm trên trang web của Cục Lâm nghiệp và có thể được thay đổi, bổ sung đột xuất trong các trường hợp cần thiết.

MẪU BIỂU SỐ 12[13]

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2011/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200

Kính gửi:.....

Căn cứ Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số..... ngày....., ... (Tên tổ chức.../cá nhân)..... làm đơn đề nghị Tổng cục Lâm nghiệp thẩm định và cho phép xuất khẩu/nhập khẩu giống cây lâm nghiệp sau đây:

1. Tên loài cây:

- Tên khoa học:

- Tên Việt Nam:

2. Số lượng:

- Hạt giống/lô giống:..... kg

- Cây giống/dòng vô tính:..... số cây/dòng vô tính

3. Nguồn gốc, xuất xứ giống (kèm theo lý lịch nguồn giống):

4. Mục đích xuất khẩu/nhập khẩu giống:

5. Thời gian xuất khẩu/nhập khẩu giống: từ ngày..... tháng..... năm 200.....

6. Cửa khẩu xuất khẩu/nhập khẩu giống: Cửa khẩu/sân bay/bưu điện.....

Tổ chức, cá nhân đề nghị xuất, nhập khẩu giống
(Chữ ký và con dấu nếu có)

---

[13] Mẫu biểu này được sửa đổi bởi Phụ lục 13 theo quy định tại Điểm 1 Khoản 8 Điều 6, của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

MẪU BIỂU SỐ 13[14]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200

THÔNG BÁO
THU HOẠCH VẬT LIỆU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Kính gửi: .....

Thực hiện quy định trong thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính; căn cứ vào sản lượng hiện thời của nguồn giống của đơn vị (hoặc của chủ nguồn giống có hợp đồng kinh tế với đơn vị), chúng tôi thống kê hoạch tiến hành thu hoạch vật liệu giống theo thời gian và khối/số lượng dự kiến như sau:

Phần 1: Thông báo thu hoạch vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp	
Tên chủ nguồn giống	
Địa chỉ kèm theo Tel/Fax/Email của chủ nguồn giống	
Loài cây được thu hoạch giống	
Mã số nguồn giống	
Địa điểm nguồn giống được thu hái	

[14] Mẫu biểu này được thay thế bởi Phụ lục 15 theo quy định tại Khoản 10 Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

Loại hình nguồn giống (theo chứng chỉ công nhận nguồn giống)	❑ Lâm phần tuyển chọn ❑ Rừng giống chuyển hóa ❑ Rừng giống ❑ Vườn giống ❑ Bình cấy mô ❑ Cây mẹ (Cây trội) ❑ Vườn cung cấp hom
Thời gian dự kiến thu hoạch giống	- Ngày bắt đầu: - Ngày kết thúc:
Ngày... tháng... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của chủ nguồn giống
Phần 2: Kết quả thu hoạch giống và đề nghị cấp chứng nhận lô giống thu hoạch được	
Thời gian thu hoạch thực tế	- Ngày bắt đầu: - Ngày kết thúc:
Lượng thu hoạch thực tế sau khi tinh chế/xử lý	- Kg (đối với hạt giống) - Số hom (đối với vật liệu sinh dưỡng) - Số bình cấy (đối với vật liệu nuôi cấy mô)
Ngày... tháng... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của chủ nguồn giống

Ghi chú: Thông báo này được làm thành 3 liên. Liên đầu (bản gốc) được chủ nguồn giống lưu giữ và điền các thông tin thích hợp theo tiến độ thực hiện việc thu hoạch giống. Liên 2 được chủ nguồn giống gửi tới Chi cục Lâm nghiệp tỉnh sau khi đã điền vào phần 1, chậm nhất là 10 ngày trước khi tiến hành công việc thu hoạch giống. Liên 3 được gửi tới Chi cục Lâm nghiệp tỉnh sau khi đã điền phần 2 và kết quả thu hoạch giống cuối cùng thay báo cáo để đề nghị cấp giấy chứng nhận lô giống đã thu hoạch.

MẪU BIỂU SỐ 14

GIẤY CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH... **CHI CỤC LÂM NGHIỆP** Số:...../200.../NGLG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------O0O---------- *....., ngày... tháng... năm 200...*

GIẤY CHỨNG NHẬN
NGUỒN GỐC LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Chi cục Lâm nghiệp tỉnh..... sau khi đã kiểm tra quá trình thực hiện và kết quả thu hoạch cuối cùng, cấp giấy chứng nhận nguồn gốc cho lô giống dưới đây:

Tên chủ nguồn giống	
Địa chỉ chủ nguồn giống	
Loài cây	
Loại nguồn giống	
Mã số nguồn giống	
Địa điểm nguồn giống	
Thông báo thu hoạch (liên 3) của chủ nguồn giống	Ngày... tháng... năm 200...
Khối/số lượng được chứng nhận (điền vào hàng thích hợp)	Khối lượng (kg) hạt giống đã tinh chế: Số lượng hom đã xử lý: Số lượng bình cấy mô:
Ngày... tháng... năm 200...	**Chi cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp tỉnh...** *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Chủ nguồn giống khi bán vật liệu giống cho khách hàng phải có hóa đơn tài chính ghi rõ số lượng vật liệu giống được bán với mã số cụ thể và kèm bản sao giấy chứng nhận này.

MẪU BIỂU SỐ 15[15]

MẪU THÔNG BÁO KẾT QỦA SẢN XUẤT CÂY CON LÂM NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT CÂY CON Ở VƯỜN ƯƠM CÂY LÂM NGHIỆP

Kính gửi:.....

Thực hiện quy định trong thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính, chúng tôi thông báo kết quả sản xuất cây con của vụ/ năm..... và đề nghị quý cơ quan thẩm định để cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống cho lô cây con sau đây:

Tên đơn vị SXKDGLN	
Địa chỉ của đơn vị SXKDGLN	
Loại cây con được sản xuất	❑ Cây ươm từ hạt ❑ Cây giâm hom ❑ Cây nuôi cấy mô
Mã số nguồn giống gốc được công nhận dùng để nhân giống	
Số lượng	❑ Khối lượng (kg) hạt được đưa vào gieo ươm ❑ Số lượng hom/bình cấy ❑ Số lượng cây con đạt tiêu chuẩn xuất vườn
Ngày... tháng... năm 200...	**Trưởng đơn vị SXKDGLN** (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Thông báo này phải được gửi tới Chi cục lâm nghiệp sở tại chậm nhất là 10 ngày trước khi đơn vị bán/giao cây con cho khách hàng.

[15] Mẫu biểu này được sửa đổi bởi Phụ lục 14 theo quy định tại Điểm 1 Khoản 9 Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

MẪU BIỂU SỐ 16

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC GIỐNG CÂY CON TRỒNG RỪNG

SỞ NN VÀ PTNT TỈNH.. CHI CỤC LÂM NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------O0O----------
Số:...../200.../NGLC	*....., ngày... tháng... năm 200...*

GIẤY CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC GIỐNG CỦA LÔ CÂY CON

Chi cục Lâm nghiệp tỉnh..... sau khi thẩm định kết quả sản xuất cây con theo thông báo của....., cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con xuất vườn sau đây:

Tên đơn vị SXKDGLN	
Địa chỉ của đơn vị SXKDGLN	
Loài cây:	Loại hình cây con trồng rừng: ❑ Cây ươm từ hạt ❑ Cây giâm hom ❑ Cây nuôi cấy mô
Mã số nguồn giống và số lượng cây con đạt tiêu chuẩn xuất vườn	❑ Mã số ... Số lượng ... ❑ Mã số ... Số lượng ... ❑ Mã số ... Số lượng ... ❑ .....
Ngày... tháng... năm 200...	**Chi cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp tỉnh...** *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Khi có yêu cầu của khách hàng, đơn vị SXKDGLN phải xuất hóa đơn tài chính kèm phiếu xuất kho ghi rõ số lượng kèm mã số nguồn giống của từng lô cây con trồng rừng và bản sao chứng chỉ này.

MẪU BIỂU SỐ 17

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ SỬ DỤNG GIỐNG ĐỂ TRỒNG RỪNG

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ SỬ DỤNG CÂY CON ĐỂ TRỒNG RỪNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN/ĐƠN VỊ.....

Kính gửi: **Cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT**

Căn cứ vào kế hoạch năm 200... đã được phê duyệt, đơn vị chúng tôi đã thực hiện việc trồng rừng bằng nguồn giống lâm nghiệp được công nhận với kết quả như sau:

Tên chương trình/dự án/đơn vị trồng rừng	
Địa chỉ của chương trình/dự án/đơn vị trồng rừng	
Tổng diện tích đã trồng năm 200... là: ❑ Cây con do đơn vị tự gieo ươm: - Loài cây:..... số lượng cây:..... Diện tích trồng:..... - Loài cây:..... số lượng cây:..... Diện tích trồng:..... - Loài cây:..... số lượng cây:..... Diện tích trồng:..... ❑ Cây con do đơn vị mua của các đơn vị SXKDGLN: - Loài cây:..... số lượng cây:..... Diện tích trồng:..... - Loài cây:..... số lượng cây:..... Diện tích trồng:..... - Loài cây:..... số lượng cây:..... Diện tích trồng:.....	
Bản sao các chứng từ đính kèm gồm: hóa đơn tài chính và phiếu xuất kho kèm chứng chỉ lô giống (hạt giống, hom, bình cấy mô, cây con xuất vườn) do đơn vị SXKDGLN xuất.	
Ngày... tháng... năm 200...	**Trưởng chương trình/dự án/đơn vị trồng rừng** *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Các chứng từ đính kèm nói trên là dữ liệu cần thiết để đơn vị trồng rừng quyết toán hoặc giải trình trong các kỳ thanh/kiểm tra của cơ quan quản lý.

MẪU BIỂU SỐ 18

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ SỬ DỤNG GIỐNG ĐỂ TRỒNG RỪNG

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ SỬ DỤNG CÂY CON ĐỂ TRỒNG RỪNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN/ĐƠN VỊ TỈNH.....

Kính gửi: **Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh....**

Căn cứ vào kế hoạch trồng rừng năm 200..... được phê duyệt, đơn vị chúng tôi đã thực hiện việc trồng rừng bằng nguồn giống cây lâm nghiệp được công nhận với kết quả như sau:

Tên chương trình/dự án/đơn vị trồng rừng:	
Địa chỉ của chương trình/dự án/đơn vị trồng rừng:	
Tổng diện tích đã trồng năm 200... là: ❑ Cây con do đơn vị tự gieo ươm - Loài cây:..... số lượng cây:..... Diện tích trồng:..... - Loài cây:..... số lượng cây:..... Diện tích trồng:..... - Loài cây:..... số lượng cây:..... Diện tích trồng:..... ❑ Cây con do đơn vị mua của các đơn vị SXKDGLN - Loài cây:..... số lượng cây:..... Diện tích trồng:..... - Loài cây:..... số lượng cây:..... Diện tích trồng:..... - Loài cây:..... số lượng cây:..... ..... Diện tích trồng:.....	
Bản sao các chứng từ đính kèm gồm: hoá đơn tài chính và phiếu xuất kho kèm chứng chỉ lô giống (hạt giống, hom, bình cấy mô, cây con xuất vườn) do đơn vị SXKDGLN xuất.	
Ngày... tháng... năm 200...	**Trưởng chương trình/dự án/đơn vị trồng rừng** *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Các chứng từ đính kèm nói trên là dữ liệu cần thiết để đơn vị trồng rừng quyết toán hoặc giải trình trong các kỳ thanh/kiểm tra của cơ quan quản lý.

MẪU BIỂU SỐ 19[16]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200

ĐƠN ĐĂNG KÍ KHẢO NGHIỆM

Kính gửi:.....

1. Tên cơ quan, cá nhân đăng ký:
   Địa chỉ:
   Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Tên giống cây trồng đăng ký khảo nghiệm:

3. Nguồn gốc của giống:

4. Hình thức khảo nghiệm:

5. Địa điểm khảo nghiệm:

6. Thời gian khảo nghiệm:

7. Đơn vị thực hiện khảo nghiệm:

Tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm
(Ký tên và đóng dấu)

[16] Mẫu biểu này được sửa đổi bởi Phụ lục 11 theo quy định tại Điểm 1, Khoản 1, Điều 6, của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

MẪU BIỂU SỐ 20[17]

BÁO CÁO KỸ THUẬT VỀ NGUỒN GIỐNG

Kính gửi:.....

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Thông tin về nguồn giống:

+ Nguồn gốc.

+ Tuổi trung bình hoặc năm trồng.

+ Nguồn vật liệu giống ban đầu.

+ Sơ đồ bố trí thí nghiệm; sơ đồ nguồn giống

+ Diện tích trồng.

+ Các chỉ tiêu sinh trưởng: đường kính bình quân, chiều cao bình quân, đường kính tán.

+ Mật độ trồng (Cự ly trồng); Mật độ hiện tại.

+ Tình hình ra hoa kết quả, kết hạt.

+ Tóm tắt các biện pháp lâm sinh đã áp dụng: xử lý thực bì, bón phân, chăm sóc, tỉa thưa...

3. Kết luận và đề nghị:

Tổ chức, cá nhân báo cáo
(Ký tên và đóng dấu)

[17] Mẫu biểu này được bổ sung bởi Phụ lục 12 theo quy định tại Điểm 1, Khoản 4, Điều 6, của Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

PHỤ LỤC 2:

A. Sơ đồ chuỗi hành trình giống hữu tính

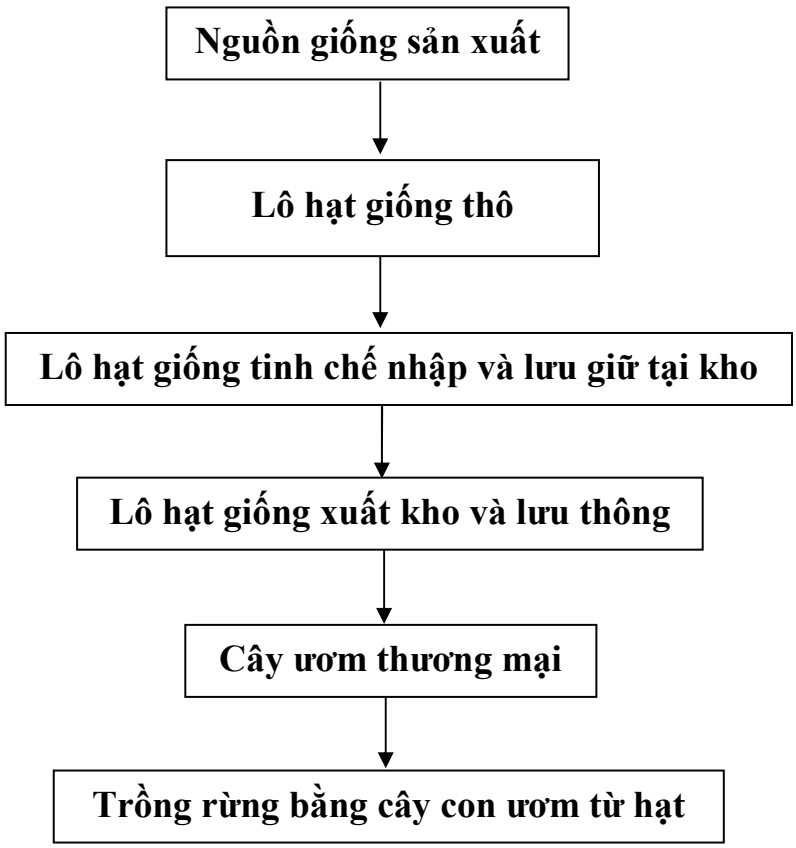

B. Sơ đồ chuỗi hành trình giống sinh dưỡng

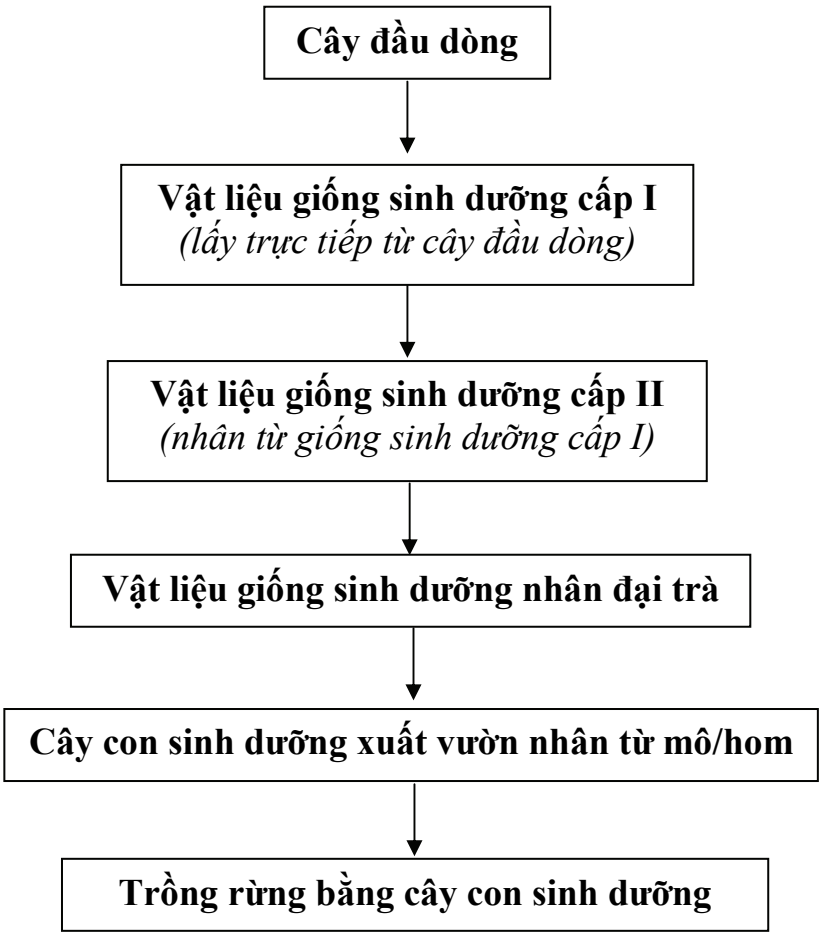

PHỤ LỤC 3:

A. Mã số công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

1. Bảng quy định mã số các tỉnh:

TT	Vùng, Tỉnh	Mã số	TT	Vùng, Tỉnh	Mã số
I	**VÙNG ĐÔNG BẮC**		**VI**	**VÙNG NAM TRUNG BỘ**	
	Cao Bằng	01		Thành phố Đà Nẵng	33
	Bắc Cạn	02		Quảng Nam	34
	Lạng Sơn	03		Quảng Ngãi	35
	Bắc Giang	04		Bình Định	36
	Bắc Ninh	05		Phú Yên	37
	Quảng Ninh	06		Khánh Hòa	38
	Thành phố Hải Phòng	07		Ninh Thuận	39
II	**VÙNG TRUNG TÂM**			Bình Thuận	40
	Hà Giang	08	**VII**	**VÙNG TÂY NGUYÊN**	
	Lào Cai	09		Kon Tum	41
	Tuyên Quang	10		Gia Lai	42
	Yên Bái	11		Đắc Nông	43
	Thái Nguyên	12		Đắc Lắc	44
	Phú Thọ	13		Lâm Đồng	45
	Vĩnh Phúc	14	**VIII**	**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**	
III	**VÙNG TÂY BẮC**			Bình Phước	46
	Điện Biên	15		Tây Ninh	47
	Lai Châu	16		Bình Dương	48
	Sơn La	17		Thành phố Hồ Chí Minh	49
	Hòa Bình	18		Bà Rịa - Vũng Tàu	50
IV	**VÙNG ĐB SÔNG HỒNG**			Đồng Nai	51
	Thành phố Hà Nội	19			
	Hải Dương	20	**IX**	**VÙNG TÂY NAM BỘ**	
	Hà Tây	21		Long An	52
	Hưng Yên	22		An Giang	53
	Hà Nam	23		Đồng Tháp	54
	Nam Định	24		Tiền Giang	55
	Ninh Bình	25		Vĩnh Long	56
	Thái Bình	26		Kiên Giang	57
V	**VÙNG BẮC TRUNG BỘ**			Hậu Giang	58
	Thanh Hóa	27		Cần Thơ	59
	Nghệ An	28		Bến Tre	60
	Hà Tĩnh	29		Trà Vinh	61
	Quảng Bình	30		Sóc Trăng	62
	Quảng Trị	31		Bạc Liêu	63
	Thừa Thiên - Huế	32		Cà Mau	64

2. Bảng quy định mã số loại hình nguồn giống:

Loại hình	Mã số	Loại hình	Mã số
Lâm phần tuyển chọn	**T**	Vườn giống hữu tính	**H**
Rừng giống chuyển hóa từ rừng tự nhiên	**N**	Vườn giống vô tính	**V**
Rừng giống chuyển hóa từ rừng trồng	**C**	Cây mẹ (cây trội)	**M**
Rừng giống trồng	**R**	Cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom)	**D**

3. Quy định cách lập mã số nguồn giống:

Hệ thống mã số nguồn giống trong cả nước được lập theo quy định sau:

Mã số gồm 2 chữ cái và 4 chữ số

- Chữ cái **B** biểu thị nguồn giống do Cục Lâm nghiệp - Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận,

- Chữ cái **S** biểu thị nguồn giống do Sở Nông nghiệp và PTNT công nhận.

- 1 chữ cái tiếp theo biểu thị loại hình nguồn giống (8 loại hình). Mã số loại hình nguồn giống được ghi theo Mục 2 của phần A phụ lục 3.

- 2 số tiếp theo biểu thị tên tỉnh nơi có nguồn giống phân bố. Việc đánh số thứ tự các tỉnh được thực hiện theo nguyên tắc chung: từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, căn cứ vào vị trí phân bố trên bản đồ. Mã số của các tỉnh được ghi theo Mục 1 của phần A phụ lục 3.

- 2 chữ số cuối cùng biểu thị nguồn giống cụ thể được công nhận theo trình tự thời gian.

Ví dụ:

1. Vườn giống vô tính loài cây Sở tại Lâm trường Nghĩa Đàn tỉnh Nghệ An là nguồn giống thứ 19 được Cục Lâm nghiệp - Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định, công nhận sẽ được cấp mã số như sau:

BV.28.19

2. Rừng giống chuyển hóa từ rừng trồng loài cây Trám trắng của Lâm trường Thạch Thành tỉnh Thanh Hóa là nguồn giống thứ 5 được Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa thẩm định và công nhận sẽ được cấp mã số như sau:

SC.27.05

3. Vườn cung cấp hom giống cây Keo lai BV10 của Trung tâm giống nông lâm nghiệp tỉnh Bình Định là nguồn giống thứ 2 được Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định tổ chức thẩm định và công nhận sẽ được cấp mã số như sau:

SD.36.02

B. Mã số công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới

Mã số giống cây trồng lâm nghiệp mới được công nhận có 4 thành phần:

1. Thành phần thứ nhất:

Gồm các chữ cái đầu của tên loài bằng tiếng Việt (Ví dụ: Bạch Đàn là BĐ; Keo lá tràm là KLT...). Trường hợp là cây lai khác loài thì lấy chữ cái đầu là tên loài và chữ cái thứ hai là L (lai).

2. Thành phần thứ hai:

Gồm 2 chữ cái viết in hoa biểu thị chữ cái đầu của tên xã hoặc thôn, nơi đã thử nghiệm thành công lần đầu giống cây trồng lâm nghiệp mới được công nhận.

3. Thành phần thứ ba:

Gồm 2 chữ số cuối của năm công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới.

4. Thành phần thứ tư:

Gồm 2 chữ số, là số thứ tự của giống mới được công nhận theo trình tự thời gian.

Ví dụ:

1. Một cây đầu dòng của giống Keo tai tượng đã được khảo nghiệm thành công tại xã Ba Vì (Hà Tây), được Bộ Nông nghiệp và PTNT đánh giá và công nhận đầu tiên vào năm 2002 sẽ có mã số như sau:

KTT.BV.02.01

2. Một cá thể cây lai giữa Tràm cừ và Tràm lá dài được tạo ra do lai giống nhân tạo giữa hai loài này, được thử nghiệm thành công lần đầu tại xã Long Đất (Long An) và được Bộ Nông nghiệp và PTNT đánh giá, công nhận vào năm 2003 và theo thứ tự công nhận là thứ 4 sẽ có mã số như sau:

TL.LĐ.03.04

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng